TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 5 - 2019
"Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Hiệp.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Kim Hoa.
2. Ông Nguyễn Văn Ghên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1304/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Bùi Quốc T, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Ấp Bình H 1, xã Đức Hòa Th, huyện ĐH, tỉnh LA
2. Bị đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1991.
Địa chỉ: Ấp 1A, xã HT, huyện ĐH, tỉnh LA.
(Anh T có mặt, chị Đ vắng mặt – Đã triệu tập hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 27 tháng 11 năm 2018 và lời trình bày của anh Bùi Quốc T tại phiên tòa: Anh Bùi Quốc T và chị Lê Thị Đ kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 04/01/2012.

Trong thời gian đầu, anh T và chị Đ sống chung hạnh phúc nhưng kể từ tháng 01 năm 2018 thì vợ chồng luôn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cải vã lẫn nhau dẫn đến bất hòa. Từ đó, anh T và chị Đ ly thân nhau cho đến nay. Thấy rằng vợ chồng không thể tiếp tục sống chung được nữa nên anh T xin ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh T khai, anh T và chị Đ chung sống có 01 con chung tên Bùi Quốc Hữu, sinh ngày 26/12/2012 hiện anh T đang nuôi. Khi ly hôn, anh T

xin được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T khai, anh T và chị Đ chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T khai, anh T và chị Đ chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Lê Thị Đ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị Đ không đến Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An làm việc hoặc phản hồi ý kiến của chị Đ về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp là hôn nhân gia đình; Bị đơn chị Lê Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại ấp 1A, xã HT, huyện Đh, tỉnh LA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện ĐH, tỉnh LA theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị Đ vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quốc T và chị Lê Thị Đ chung sống với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 04/01/2012 nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Đ là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T và chị Đ chung sống với nhau hạnh phúc đến tháng 01 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vã dù hai bên đã cố gắng hàn gắn để kéo dài cuộc sống hôn nhân nhưng không được nên anh T tha thiết xin được ly hôn với chị Đ. Ngược lại, chị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không đến Tòa án để tham gia hòa giải đoàn tụ cũng như không tham gia phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa anh T và chị Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, anh T yêu cầu được ly hôn với chị Đ là phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh T khai, anh T và chị Đ chung sống có 01 con chung tên Bùi Quốc Hữu, sinh ngày 26/12/2012 hiện anh T đang nuôi. Khi ly hôn, anh T xin được quyền tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Ngược lại, chị Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản

hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.3] Về tài sản chung: Anh T khai, anh T và chị Đ chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, chị Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] Về nợ chung: Anh T khai, anh T và chị Đ chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngược lại, chị Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng không phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Buộc anh Bùi Quốc T phải chịu án phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Quốc T về việc xin ly hôn với chị Lê Thị Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Quốc T được ly hôn với chị Lê Thị Đ.

Về con chung: Anh Bùi Quốc T được quyền tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Quốc Hữu, sinh ngày 26/12/2012 hiện anh T đang nuôi. Chị Lê Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh T không yêu cầu.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Buộc anh Bùi Quốc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 3783 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa sang án phí để thi hành, anh T không phải nộp tiếp.

Án này là sơ thẩm, anh T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ tuyên án. Riêng chị Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- UBND xã Hựu Thạnh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Hiệp